

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Thành Nam

Ngày 30/09/2025	6,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	57.1%	144.9	164.3

DT thuần Q3/25
175
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 62.0 54.9%
YoY: ▼85.0 -32.7%

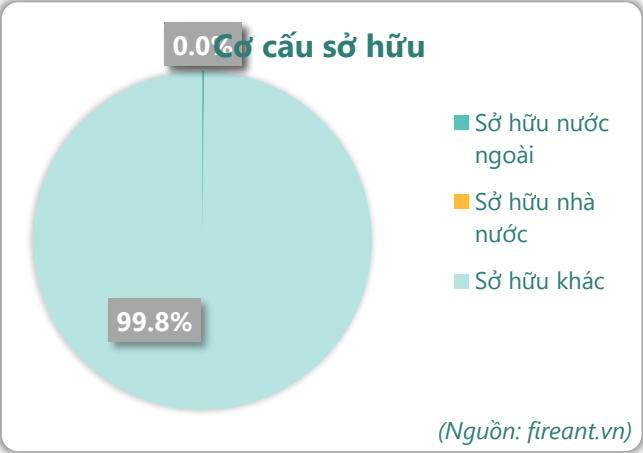
LN thuần Q3/25
-3.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.5 -129%
YoY: ▼9.33 -148%

LN sau thuế Q3/25
-2.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.6 -121%
YoY: ▼8.18 -137%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
1.0%
YoY: +/-▼ 8.3%

ROE (TTM) Q3/25
-3.6%
YoY: +/-▼ 1.6%

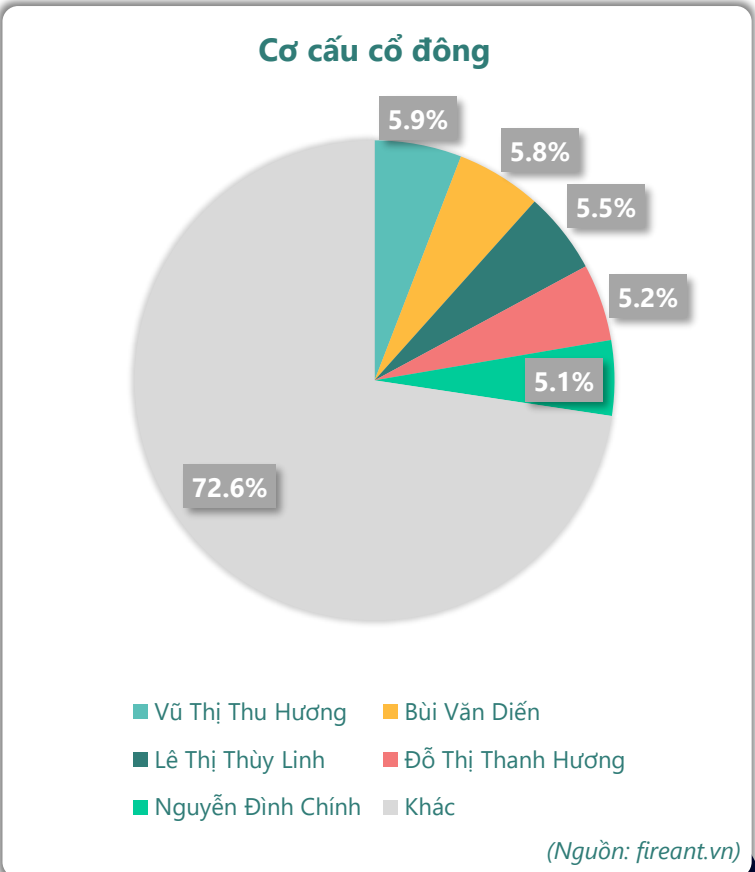
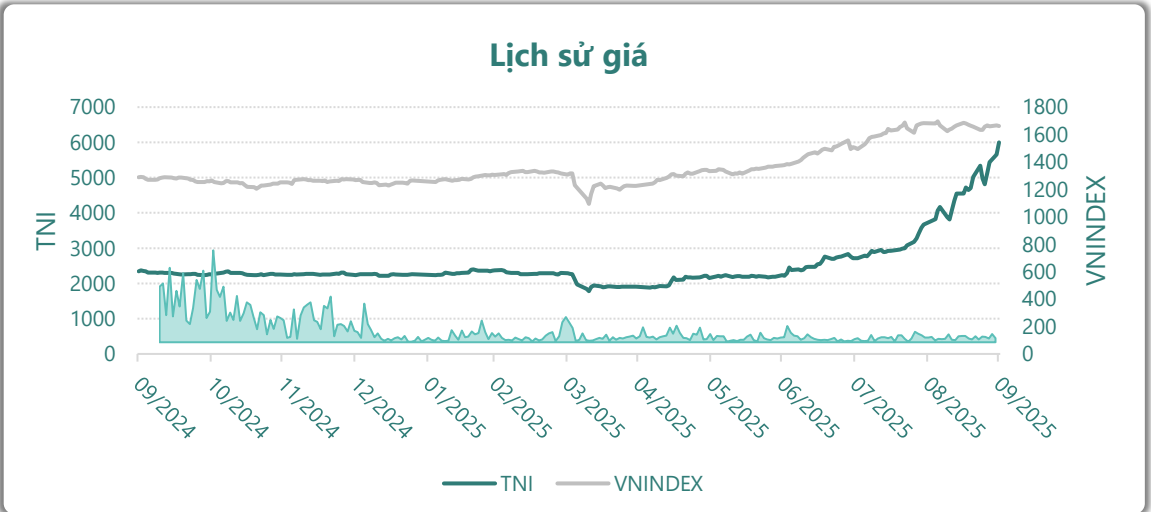
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	1,780 - 6,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	315
Số lượng CPLH (CP)	52,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	809,675
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.76
EPS	-355
P/E	-16.9



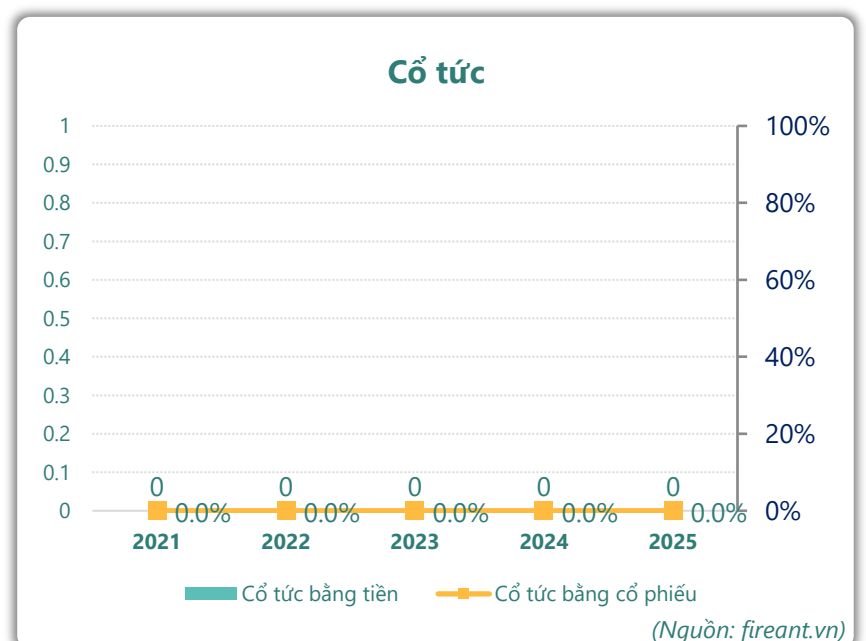
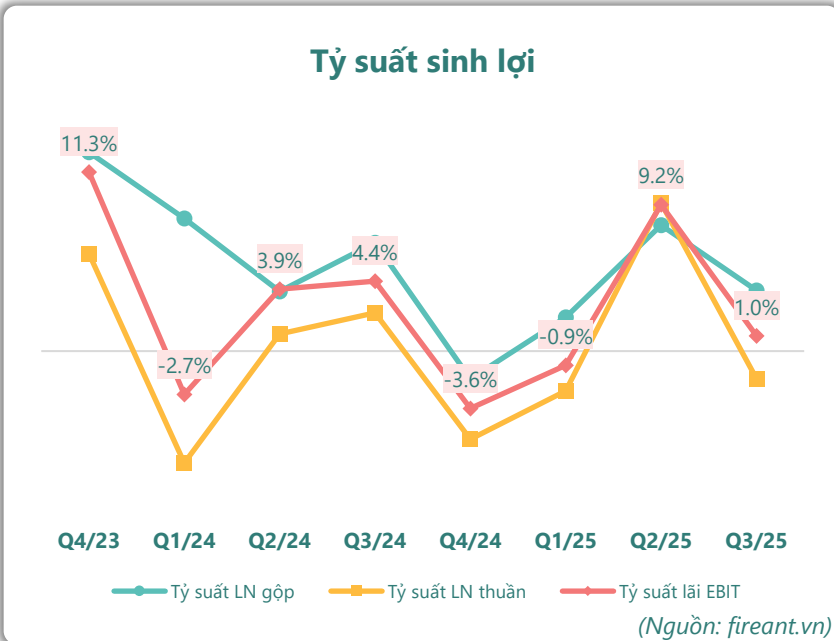
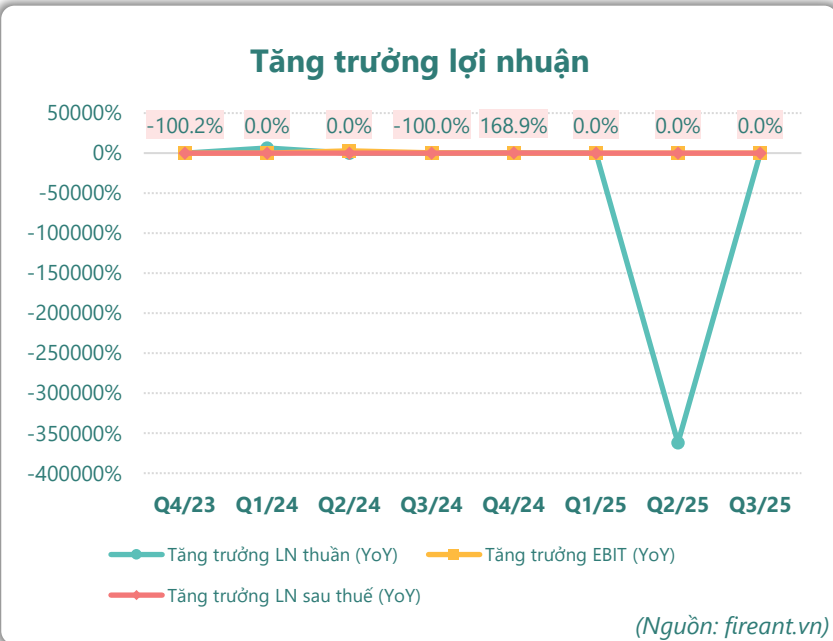
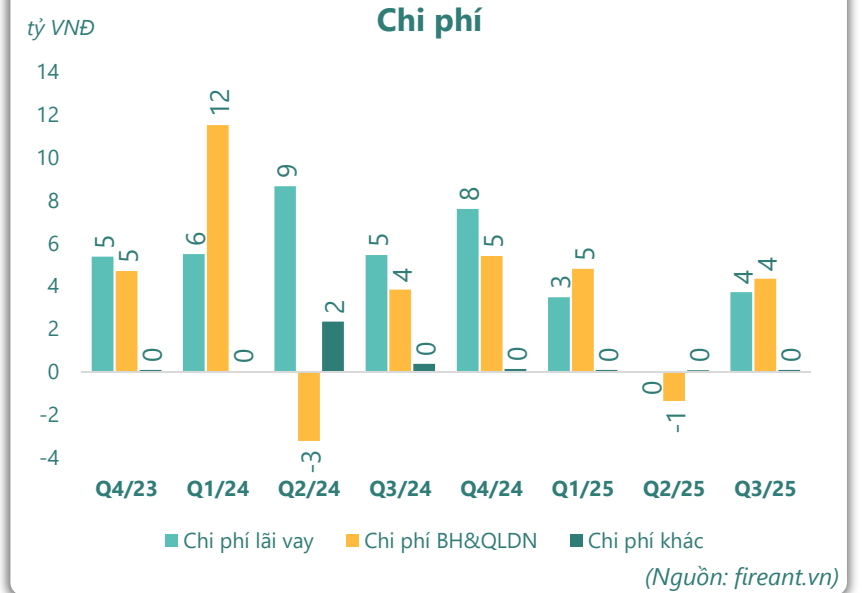
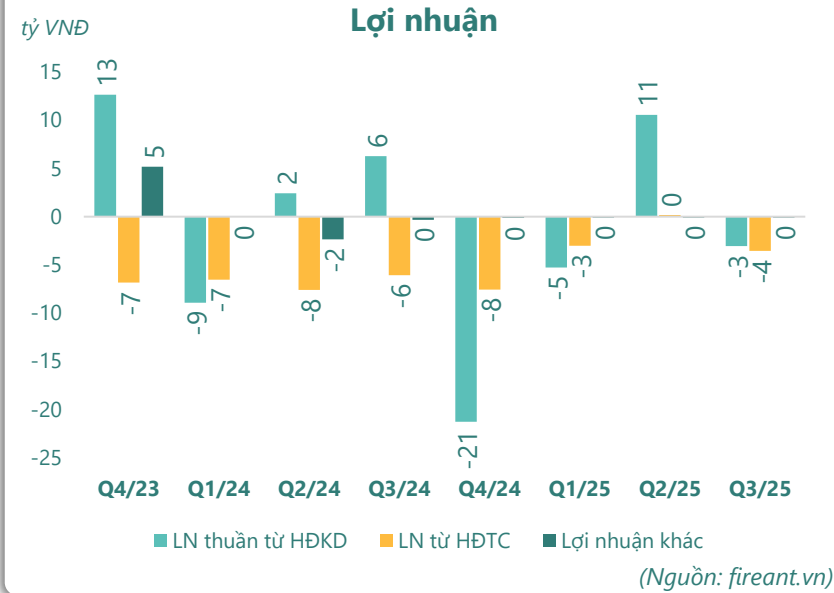
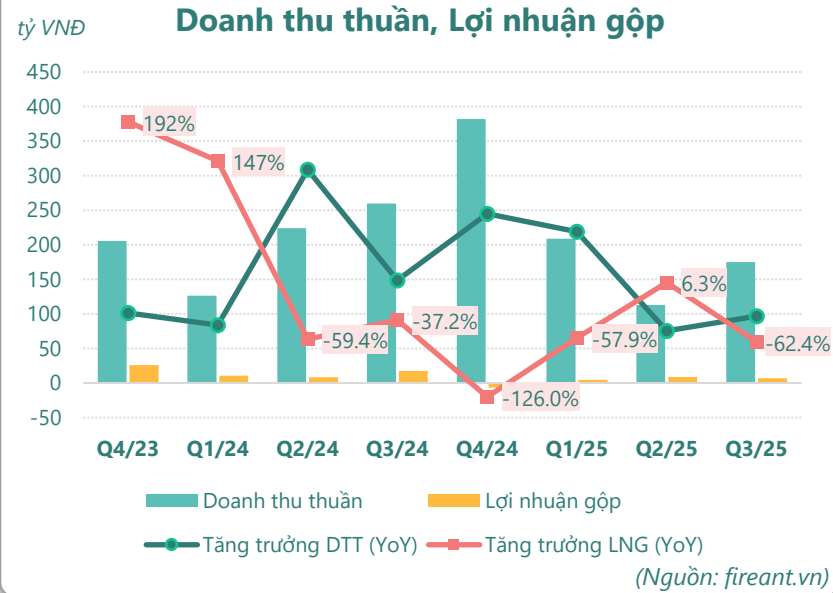
DT thuần 9T 2025
497
tỷ VNĐ
YoY: ▼114 -18.6%

LN thuần 9T 2025
2.25
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.44 1272%

LN sau thuế 9T 2025
2.80
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.70 196%



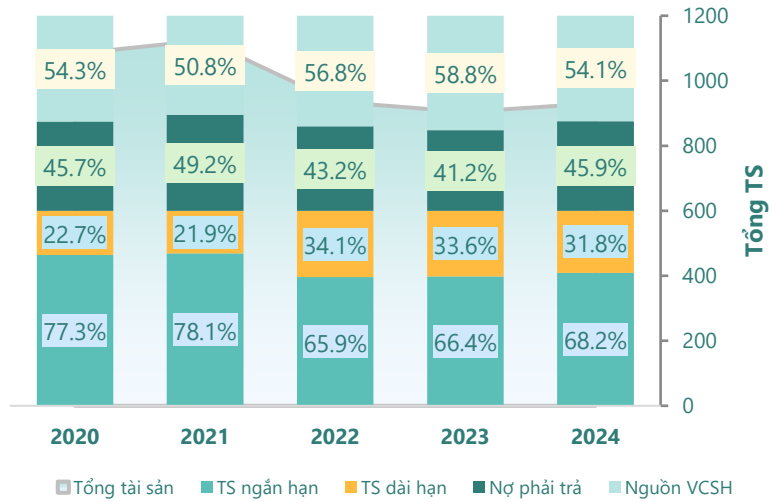
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

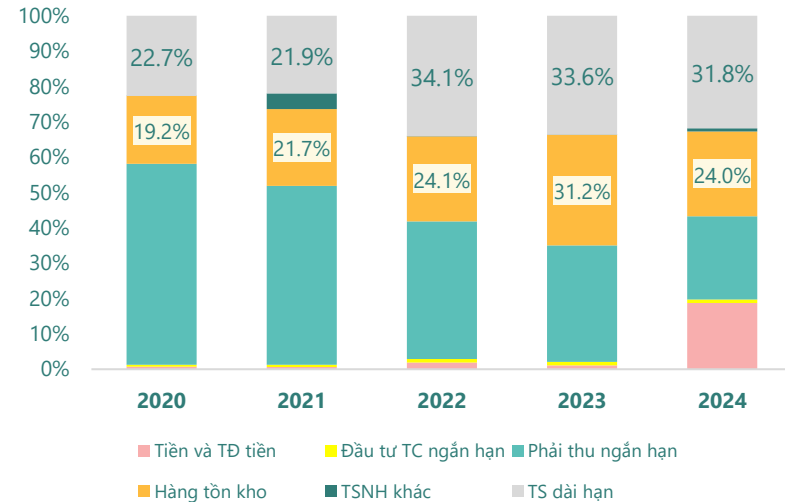
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

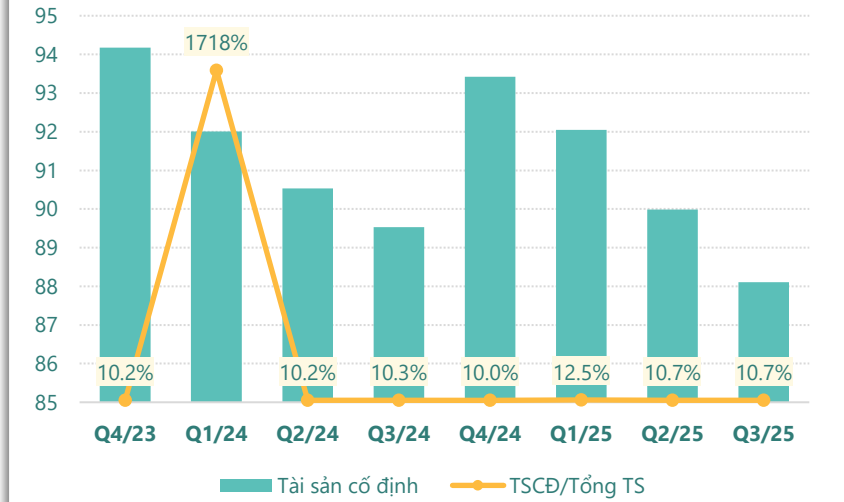
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

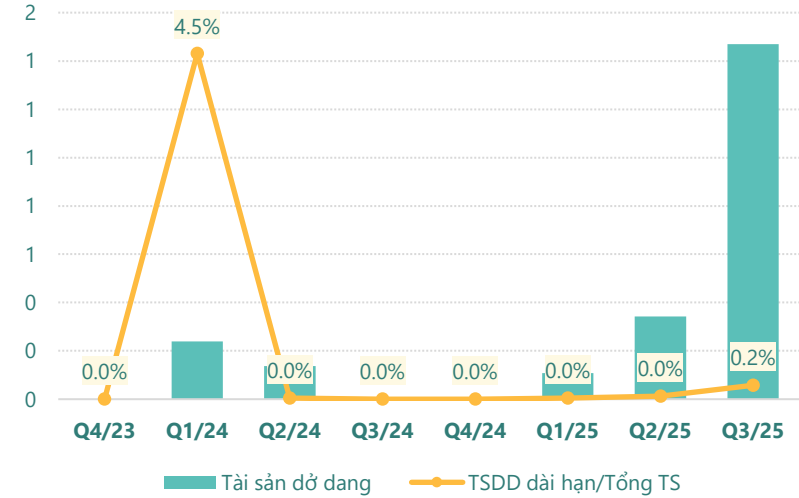
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

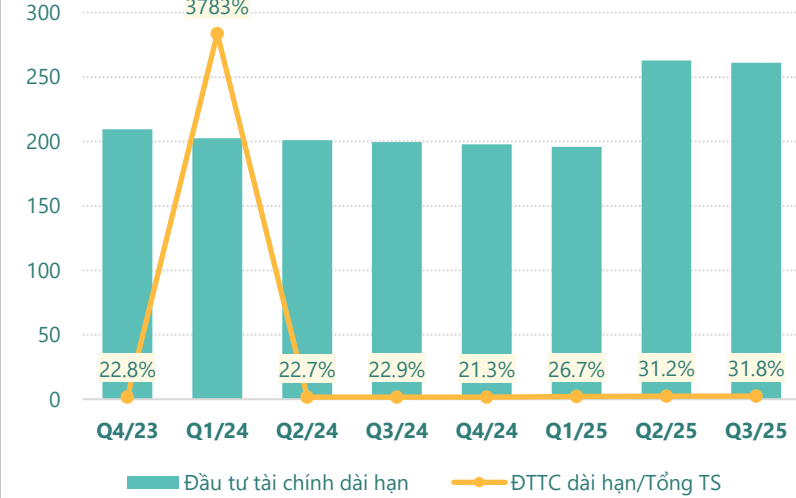
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

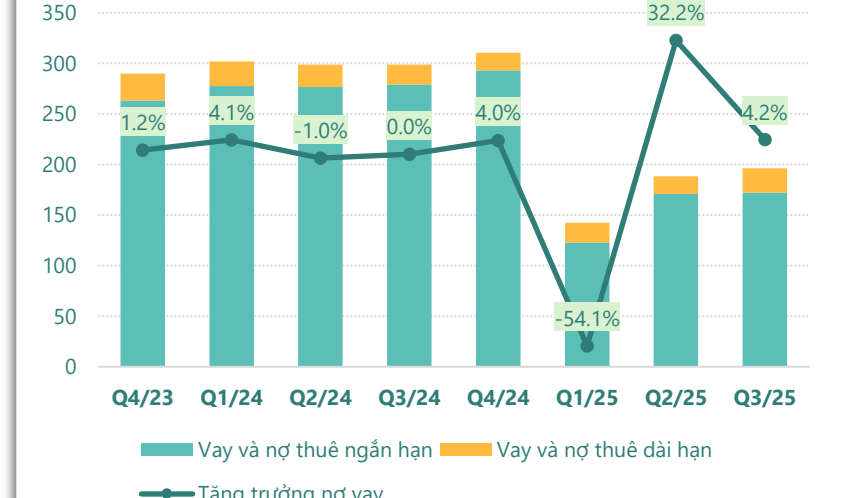
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

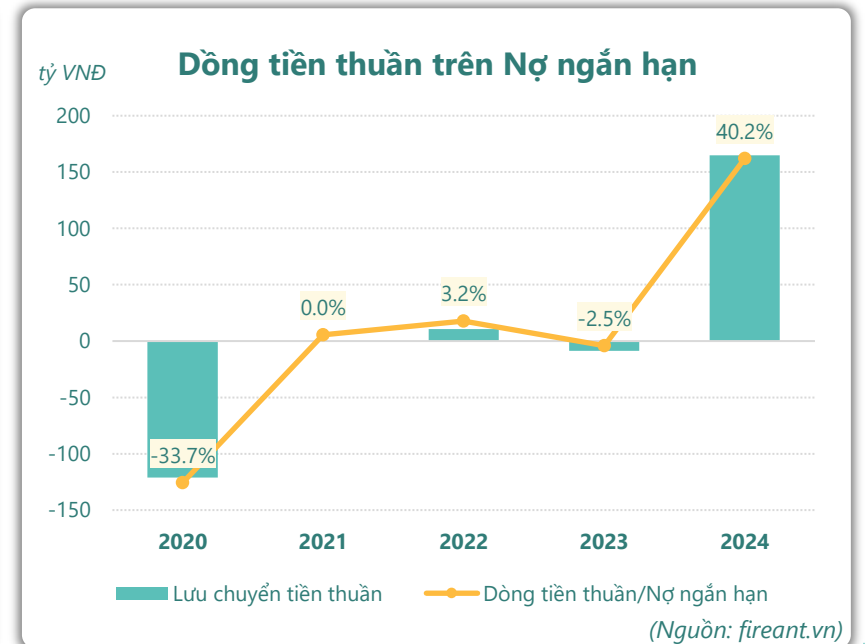
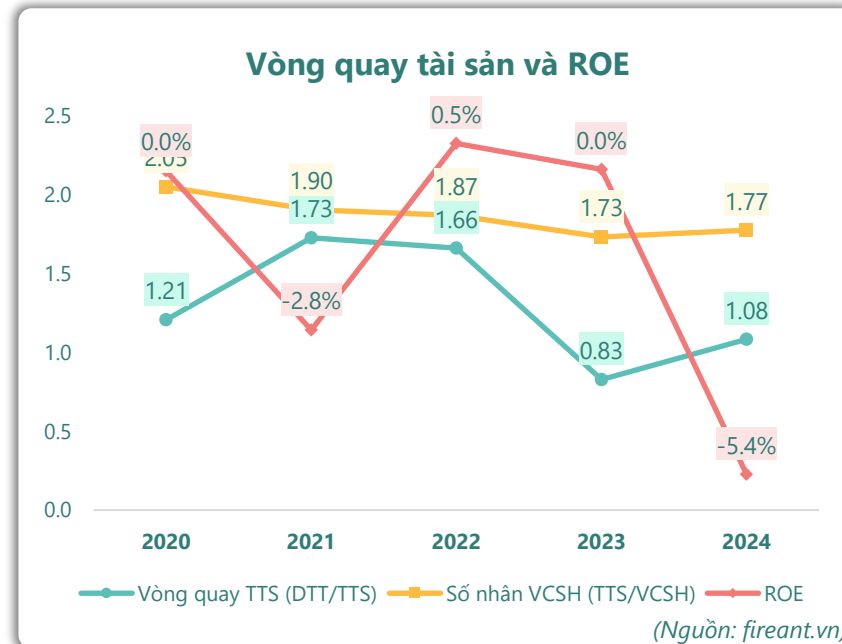
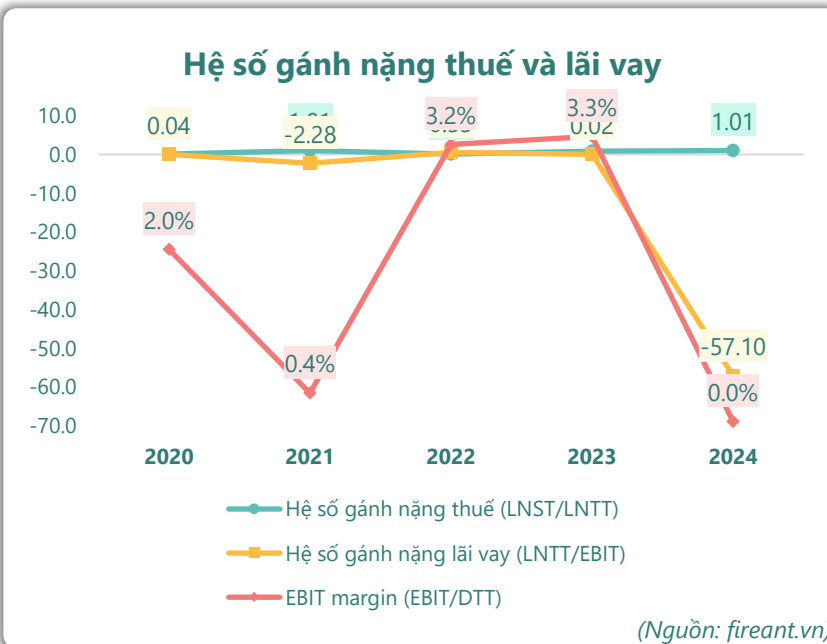
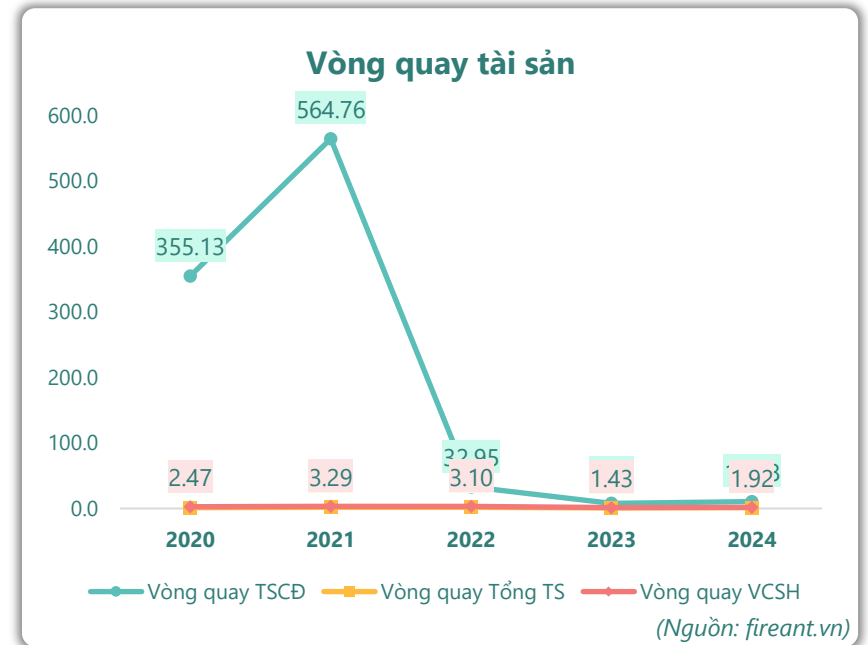
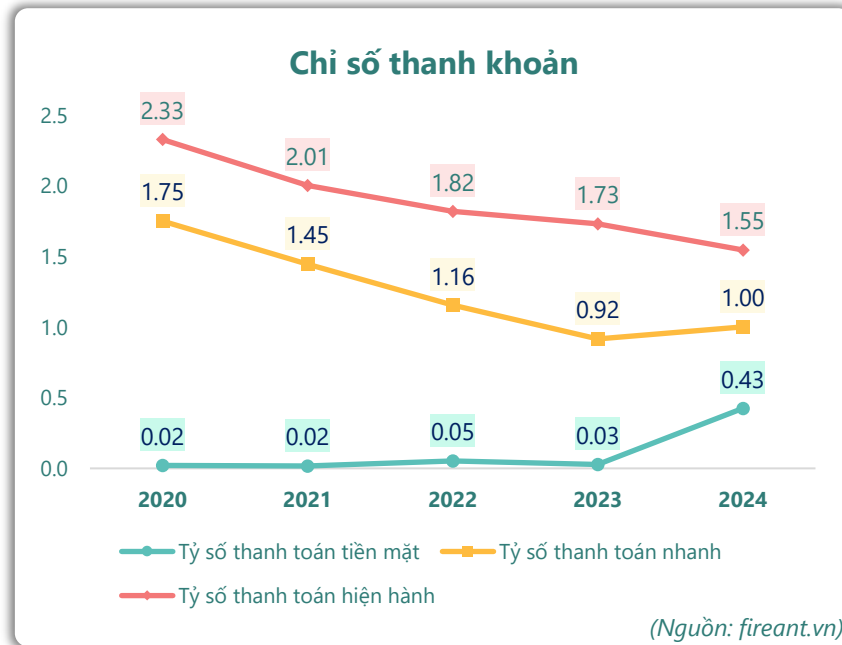
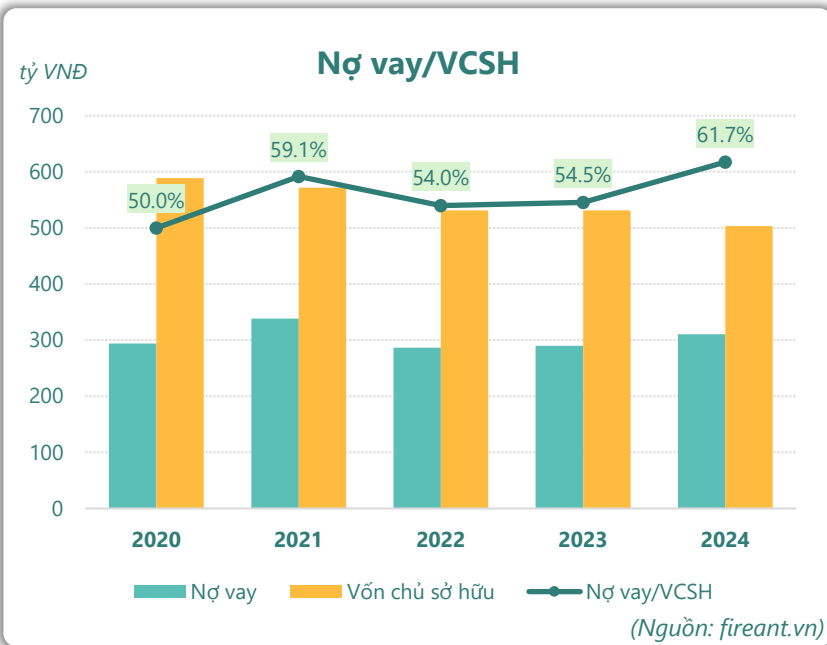
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	175	260	-32.7%	497	611	-18.6%
Giá vốn hàng bán	168	242	-30.4%	477	574	-16.9%
Lợi nhuận gộp	6.68	17.8	-62.5%	20.1	36.8	-45.3%
Doanh thu HĐTC	0.16	0.10	59.9%	0.82	0.38	119%
Chi phí TC	3.73	6.18	-39.7%	7.24	20.6	-64.8%
Chi phí lãi vay	3.73	5.46	-31.8%	7.20	19.6	-63.3%
LN trong công ty LKLD	-1.81	-1.55	-16.5%	-3.62	-4.64	21.8%
Chi phí bán hàng	1.18	1.16	2.1%	2.29	4.49	-49.0%
Chi phí QLDN	3.16	2.68	18.0%	5.52	7.65	-27.8%
LN thuần từ HĐKD	-3.04	6.29	-148%	2.25	-0.19	1272%
Lợi nhuận khác	-0.10	-0.32	67.9%	-0.28	-2.71	89.8%
LN trước thuế	-2.06	5.97	-134%	3.06	-2.90	206%
Lợi nhuận sau thuế	-2.21	5.97	-137%	2.80	-2.90	196%
LNST của CĐ cty mẹ	-2.24	5.87	-138%	2.69	-3.17	185%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.6	-2.27	158	3.96	38.4	-14.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.99	0.53	-172	-0.47	-68.4	-1.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.16	0.12	11.8	-168	41.4	12.3
Tiền đầu kỳ	1.83	10.3	8.71	174	9.73	21.1
Lưu chuyển tiền thuần	8.47	-1.62	-1.41	-165	11.3	-3.03
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.04	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.3	8.71	7.30	9.73	21.1	18.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	822	931	-11.7%
Tài sản ngắn hạn	466	634	-26.5%
Tiền và tương đương tiền	18.0	174	-89.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.23	9.01	2.5%
Phải thu ngắn hạn	194	219	-11.5%
Hàng tồn kho	237	223	6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	8.08	8.36	-3.4%
Tài sản dài hạn	356	296	20.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	88.1	93.4	-5.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.47	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	261	198	32.0%
Tài sản dài hạn khác	0.65	0.27	140%
Lợi thế thương mại	4.43	4.89	-9.5%
Nợ phải trả	323	427	-24.3%
Nợ ngắn hạn	299	410	-27.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	172	293	-41.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	106	93.1	13.7%
Nợ dài hạn	24.6	17.7	39.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	24.0	17.5	37.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	499	503	-0.9%
Vốn chủ sở hữu	499	503	-0.9%
Vốn điều lệ	525	525	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

